

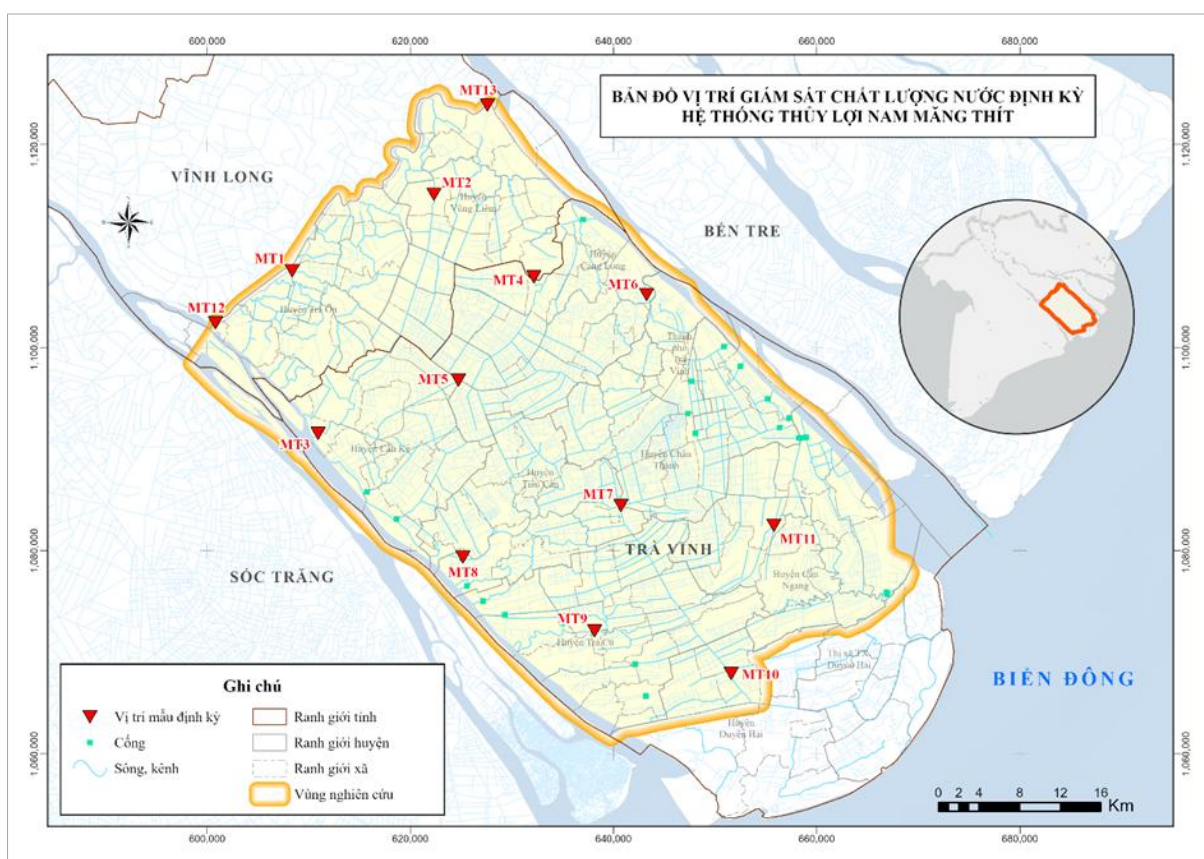
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 5 năm 2025

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi
Nam Măng Thít, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2025

BẢN TIN THÁNG 6

I. Vị trí giám sát, dự báo chất lượng nước

Vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước định kỳ được đặt ở những điểm các kênh trực quan trọng trong khu vực nội đồng, có tầm ảnh hưởng lớn đến các khu vực xung quanh. Những kênh có cống thì trạm dự báo được đặt gần cống, phía trong đồng nhằm mục đích đánh giá được chính xác và tổng quan nhất mức độ ô nhiễm của nguồn nước khi vận hành công trình. Nhiệm vụ quan trọng 13 điểm phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong hình sau:



Hình 1. Bản đồ vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước định kỳ

Bảng 1. Thông tin vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước định kỳ

TT	Ký hiệu	Vị trí điểm đo	Tọa độ điểm quan trắc		Xã	Huyện	Tỉnh
			X	Y			
1	MT1	Đầu sông Trà Ngoa	607.966	1.107.801	Trà Côn	Trà Ôn	Vĩnh Long
2	MT2	Kênh Bung Trường, Cống Bàu Xếp	621.886	1.117.202	Hiếu Phụng	Vũng Liêm	Vĩnh Long
3	MT3	Đầu kênh Bông Bót	611.764	1.091.528	An Phú Tân	Cầu Kè	Trà Vinh
4	MT4	Kênh Mây Túc – Ngã Hậu	633.059	1.106.117	Càng Long	Càng Long	Trà Vinh
5	MT5	Kênh Trà Ngoa	625.008	1.096.756	Thanh Phú	Cầu Kè	Trà Vinh
6	MT6	Cống Láng Thè	643.446	1.104.839	Đại Phước	Càng Long	Trà Vinh
7	MT7	Rạch Cần Chông	640.652	1.084.401	Ngãi Hùng	Tiểu Cần	Trà Vinh
8	MT8	Cống Cần Chông	625.998	1.079.177	Tân Hòa	Tiểu Cần	Trà Vinh
9	MT9	Cống Trà Cú	638.320	1.072.074	Trà Cú	Trà Cú	Trà Vinh
10	MT10	Cống La Bang	651.316	1.068.315	Đôn Châu	Duyên Hải	Trà Vinh
11	MT11	Kênh Ba So	655.796	1.082.521	Hiệp Hòa	Cầu Ngang	Trà Vinh
12	MT12	Sông Măng Thít	600.450	1.101.604	Trà Ôn	Trà Ôn	Vĩnh Long
13	MT13	Sông Măng Thít	627.688	1.123.852	Quới An	Vũng Liêm	Vĩnh Long

II. Thông tin tại thời điểm lấy mẫu

Bảng 2. Thông tin đặc điểm tại thời điểm lấy mẫu trong vùng dự án

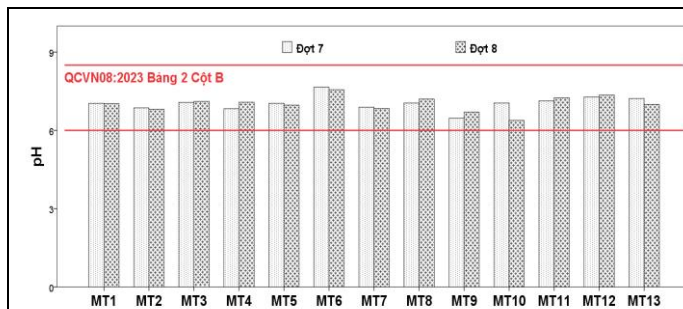
TT	Kí hiệu	Đợt 07: 28/04/2025	Đợt 08: 12/05/2025
1	MT1	Trời nắng, nước ròng, gần chợ, có cống xả dân sinh từ chợ, khu vực xung quanh chủ yếu làm nông nghiệp.	Trời nắng, nước lớn, gần chợ, có cống xả dân sinh, khu vực xung quanh chủ yếu làm nông nghiệp.
2	MT2	Trời nắng, nước lớn, khu vực đông dân cư, có rác, lục bình 2 bờ kênh	Trời nắng, nước lớn, có lục bình, nước màu xanh lục, khu vực đông dân cư

TT	Kí hiệu	Đợt 07: 28/04/2025	Đợt 08: 12/05/2025
3	MT3	Trời nắng, nước ròng, cống mở 2 cửa, có lực bình động ở cửa cống, khu vực chủ yếu sản xuất nông nghiệp.	Trời nắng, nước ròng, cống mở 3 cửa, dòng chảy mạnh, khu vực nông nghiệp.
4	MT4	Trời nắng, nước lớn, trên kênh có lực bình, khu vực đông dân cư có cống thải dân sinh.	Trời nắng, nước lớn, nước màu xanh, khu vực đông dân cư, có cống thải dân sinh.
5	MT5	Trời nắng, nước ròng, có rác và lực bình 2 bờ kênh, khu vực chủ yếu làm nông nghiệp.	Trời nắng, nước ròng, dòng chảy yếu, nhiều lực bình trôi, khu vực nông nghiệp.
6	MT6	Trời nắng, nước lớn, nước màu xanh trong, cống đóng, có lực bình, có rác đọng cửa cống	Trời nắng, nước lớn, nước trong màu xanh nhạt, cống đóng. Khu vực ít dân cư.
7	MT7	Trời nắng, nước lớn, trên kênh nhiều lực bình và rác, có chợ hạ lưu vị trí lấy mẫu, có cống xả dân sinh.	Trời nắng, nước ròng, trên kênh nhiều lực bình và rác, có chợ hạ lưu vị trí lấy mẫu
8	MT8	Trời nắng, nước ròng, cống đóng, có lực bình và ít rác trên kênh, vực ít dân cư chủ yếu làm nông nghiệp.	Trời nắng, nước ròng, trên kênh nhiều lực bình, cống đóng, khu vực ít dân cư chủ yếu là nông nghiệp.
9	MT9	Trời nắng, nước ròng, lực bình phủ kín mặt kênh, có cống xả dân sinh, nước có mùi hôi, cống đóng, khu vực đông dân cư.	Trời nắng, nước ròng, nước mùi hôi, có nhiều lực bình phủ kín mặt kênh, cống đóng, khu vực đông dân cư.
10	MT10	Trời nắng, nước lớn, nước màu xanh lục, khu vực cống có mùi tanh, nhiều lực bình, cống đóng, khu vực đông dân cư, nhiều rác đọng ở cửa cống	Trời nắng, nước lớn, nhiều lực bình, cống đóng, nước mùi hôi, khu vực đông dân cư, nhiều rác đọng ở cửa cống
11	MT11	Trời nắng, nước lớn, nước có mùi hơi hôi, có váng nổi trên mặt gần cửa cống, cống đóng, khu vực ít dân cư, làm nông nghiệp.	Trời nắng, nước lớn, nhiều lực bình, nước đục, khu vực ít dân cư, cống đóng
12	MT12	Trời nắng, nước ròng, khu đông dân cư, có cống xả dân sinh.	Trời nắng, nước lớn, khu đông dân cư, dòng chảy lớn

TT	Kí hiệu	Đợt 07: 28/04/2025	Đợt 08: 12/05/2025
13	MT13	Trời nắng, nước ròng, khu đông dân cư gần bến phà, có mùi hôi, có cống xả dân sinh, có rác gần bờ.	Trời nắng, nước lớn, khu đông dân cư gần bến phà đang hoạt động có cống xả dân sinh.

III. Kết quả giám sát chất lượng nước đợt 7 và đợt 8 năm 2025

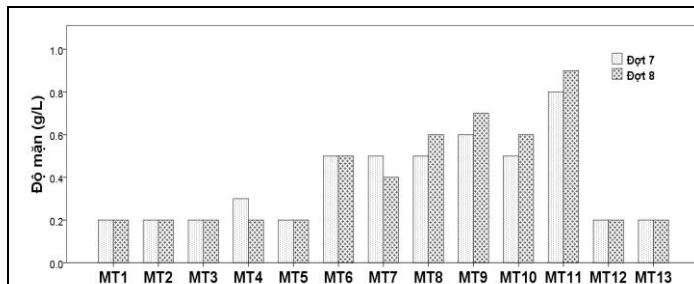
1. Độ pH



Hình 2. Giá trị pH tại các vị trí giám sát

Độ pH trong 2 đợt quan trắc đợt 7 và đợt 8 tại các vị trí dao động từ 6,38 – 7,66; tất cả vị trí đều có pH nằm trong giới hạn theo mức B – Bảng 2 QCVN08:2023/BTNMT. So với các đợt quan trắc trước đây độ pH khu vực ổn định không biến động nhiều.

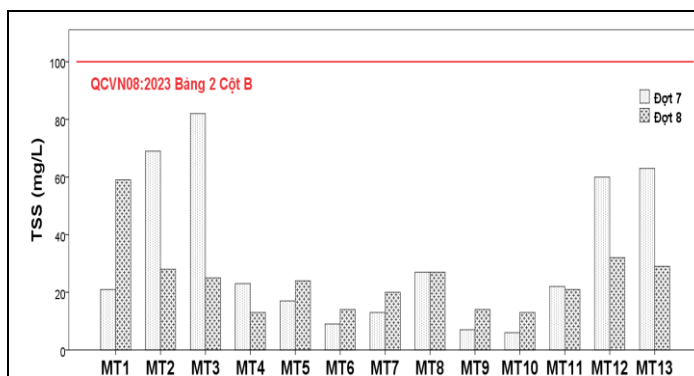
2. Độ mặn



Hình 3. Giá trị độ mặn tại các vị trí giám sát

Độ mặn trong 2 đợt quan trắc đợt 7 và đợt 8 dao động trong khoảng 0,2 – 0,9 g/l, tất cả các vị trí đều thấp hơn khá nhiều so với ngưỡng mặn 1 g/l.

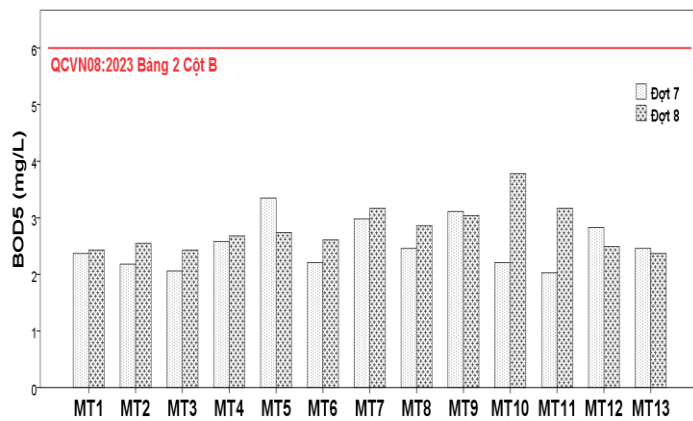
3. TSS



Hình 4. Giá trị TSS tại các vị trí giám sát

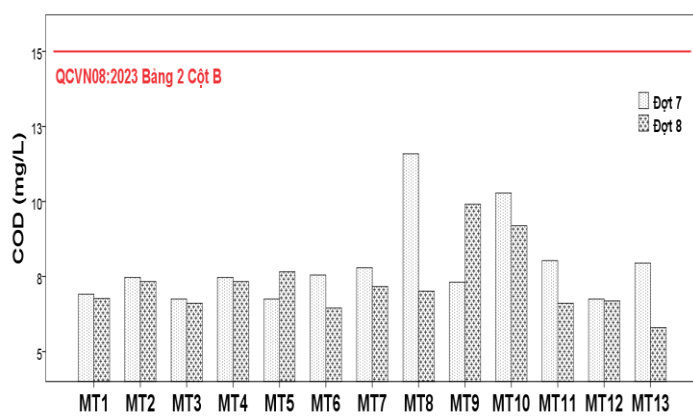
Giá trị tổng chất rắn lơ lửng (TSS) trong 2 đợt quan trắc đợt 7 và đợt 8 dao động trong khoảng 6 – 82 mg/l; tất cả các vị trí quan trắc đều thấp hơn giới hạn theo mức B – Bảng 2 QCVN08:2023/BTNMT, vào đợt 7 hàm lượng TSS có xu hướng cao hơn đợt 8 ở hầu hết các vị trí.

4. Ô nhiễm hữu cơ (BOD₅, COD, DO)



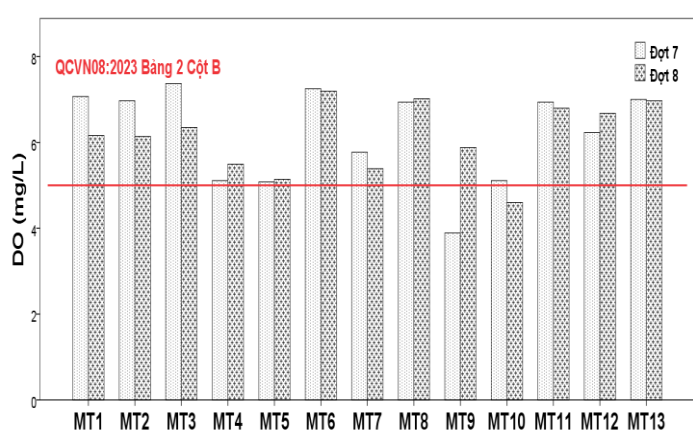
Hình 5. Giá trị BOD₅ tại các vị trí giám sát

Thành phần nhu cầu oxy sinh hóa (BOD₅) trong 2 đợt quan trắc đợt 7 và đợt 8 của các mẫu nước nằm khoảng 2,0 – 3,8 mg/l. Tất cả các vị trí quan trắc đều có BOD₅ thấp hơn giới hạn của mức B – Bảng 2 QCVN08:2023/BTNMT vào tháng 5. Chưa có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ.



Hình 6. Giá trị COD tại các vị trí giám sát

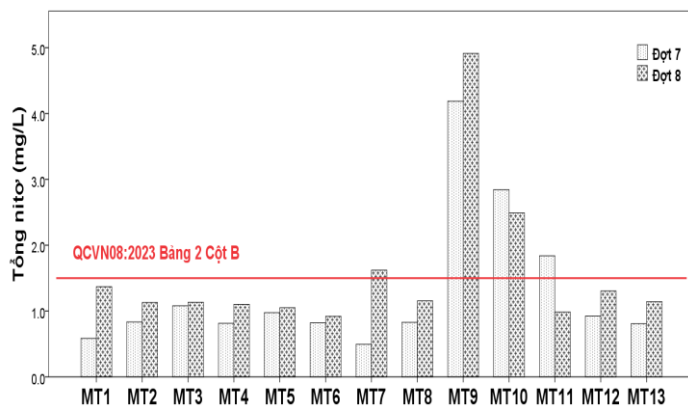
Hàm lượng COD trong 2 đợt quan trắc đợt 7 và đợt 8 có giá trị biến thiên khoảng từ 5,8 – 11,6 mg/l. Tại tất cả các vị trí quan trắc trong 2 đợt đều có COD thấp hơn mức B – Bảng 2 QCVN08:2023/BTNMT. Chưa có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ.



Hình 7. Giá trị DO tại các vị trí giám sát

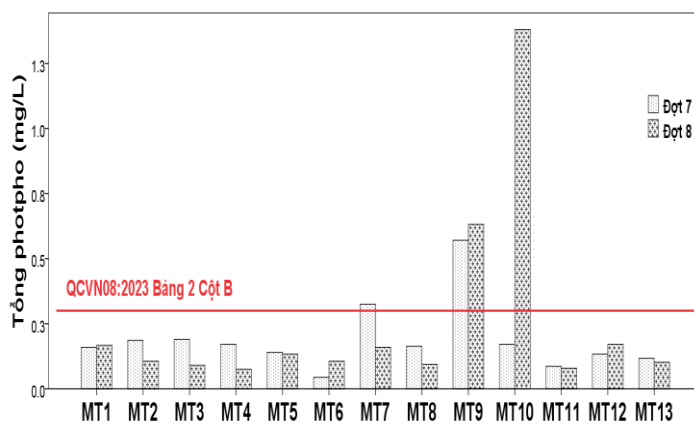
Hàm lượng DO trong 2 đợt quan trắc đợt 7 và đợt 8 có giá trị biến thiên trong khoảng từ 3,89 – 7,37 mg/l. Các vị trí MT9 và MT10 có DO thấp hơn giới hạn cho phép theo mức B – Bảng 2 QCVN08:2023/BTNMT. khi sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản cần chú ý sục khí bổ sung oxy hòa tan cho các ao, vuông.

5. Ô nhiễm dinh dưỡng (TN, TP)



Hình 8. Giá trị TN tại các vị trí giám sát

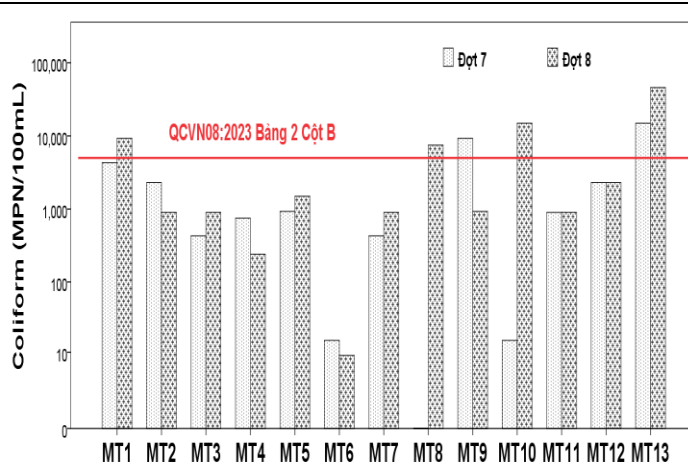
Hàm lượng tổng Nitơ – TN dao động từ 0,49 – 4,91 mg/l. Hầu hết đều thấp hơn giới hạn 1,5 mg/l theo mức B – Bảng 2 QCVN08:2023/BTNMT, trừ vị trí vị trí MT7 cao hơn giới hạn vào đợt 8, vị trí MT11 vượt QCVN vào đợt 7. Vị trí MT9 và MT10 vào cả 2 đợt quan trắc đều cao hơn giới hạn cho phép, cần khơi thông dòng chảy tránh tích tụ ô nhiễm dinh dưỡng gây nguy cơ phú dưỡng hóa.



Hình 9. Giá trị TP tại các vị trí giám sát

Hàm lượng tổng Photpho - TP trong 2 đợt quan trắc đợt 7 và đợt 8 dao động trong khoảng 0,04 – 1,38 mg/l và đều thấp hơn giới hạn 0,3 mg/l theo mức B – Bảng 2 QCVN08:2023/BTNMT, trừ vị trí MT7 đợt quan trắc ngày 28/4/2025 và vị trí MT10 đợt quan trắc ngày 12/5/2025, vị trí MT9 ở cả 2 đợt quan trắc đều vượt giới hạn cho phép.

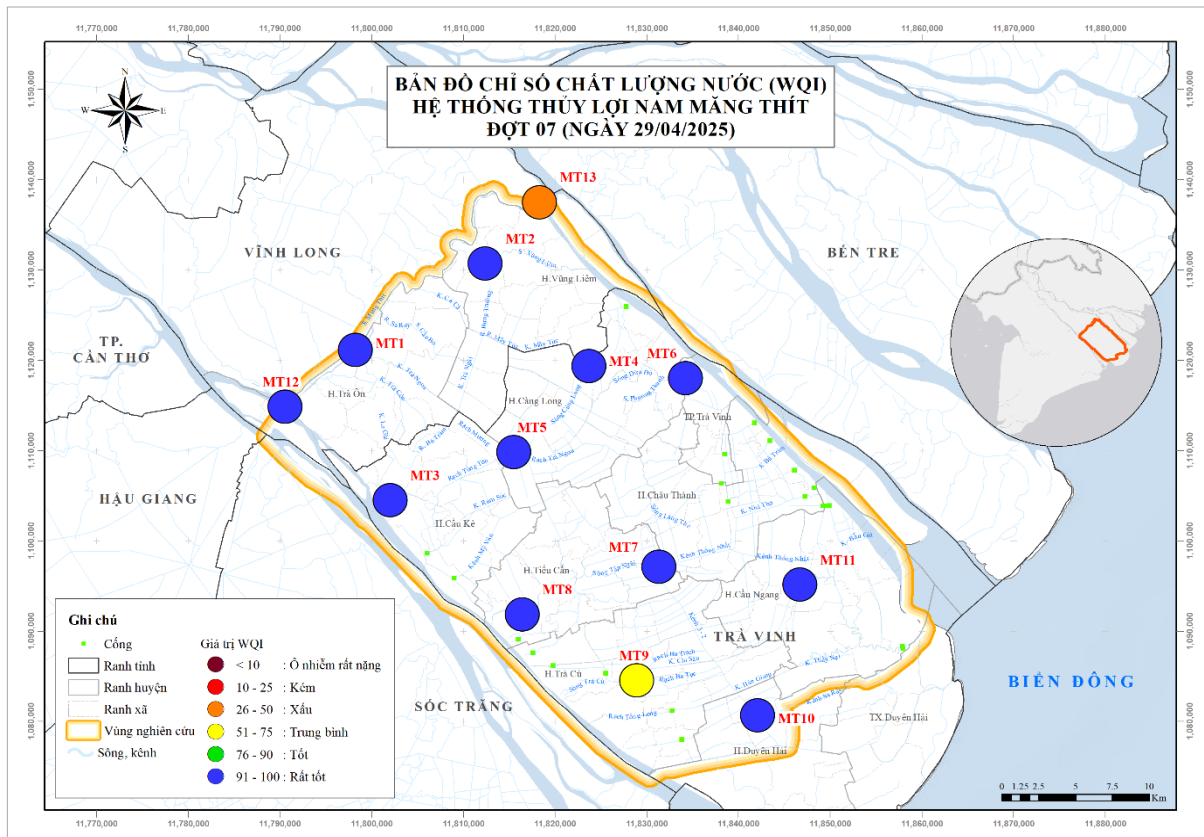
6. Ô nhiễm vi sinh



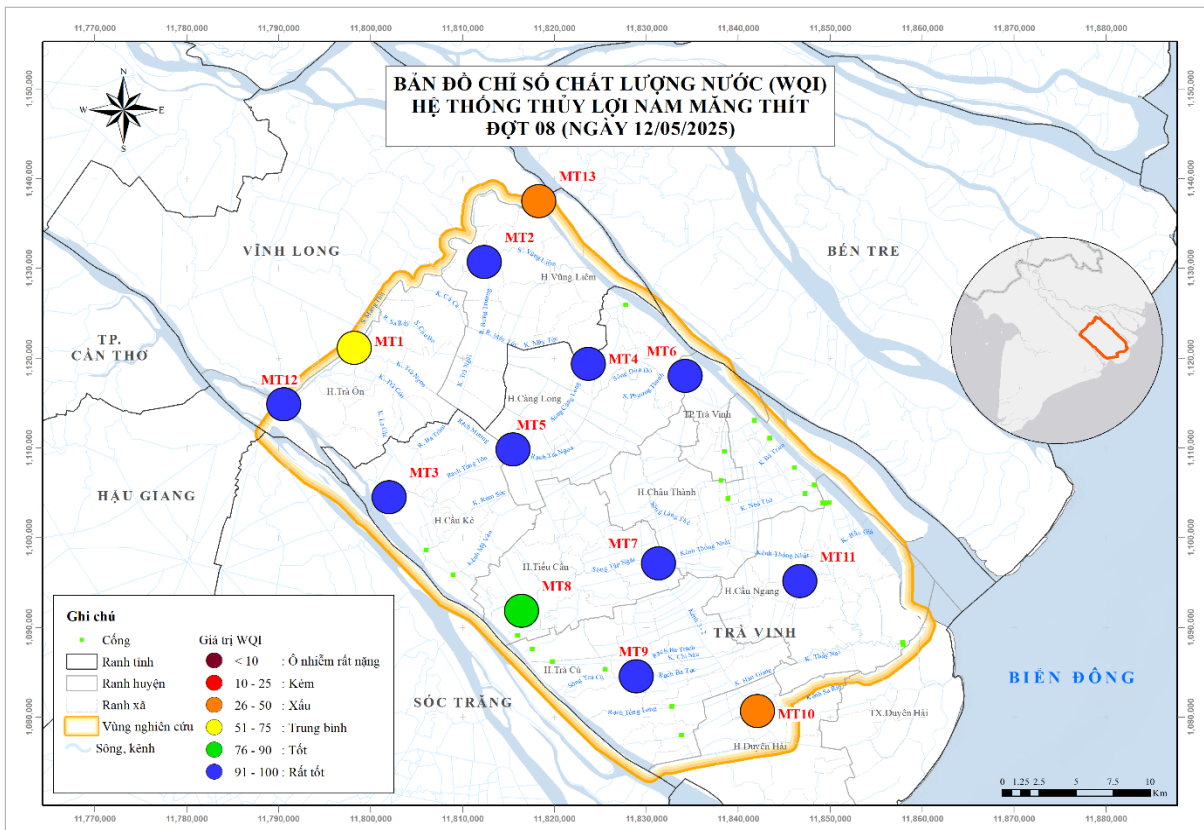
Hình 10. Coliform tại các vị trí giám sát

Hàm lượng Coliform trong 2 đợt quan trắc đợt 7 và đợt 8 dao động từ 0 -46.000 MPN/100ml; hầu hết đều đạt giới hạn cho phép theo mức B – Bảng 2 QCVN08:2023/BTNMT. Trừ vị trí MT1, MT8 và MT10 vào đợt quan trắc đợt 2 ngày 12/5/2025, vị trí MT9 vào đợt quan trắc đợt 1 ngày 28/4/2025 và MT13 vào cả 2 đợt quan trắc đều vượt mức B – Bảng 2 QCVN08:2023.

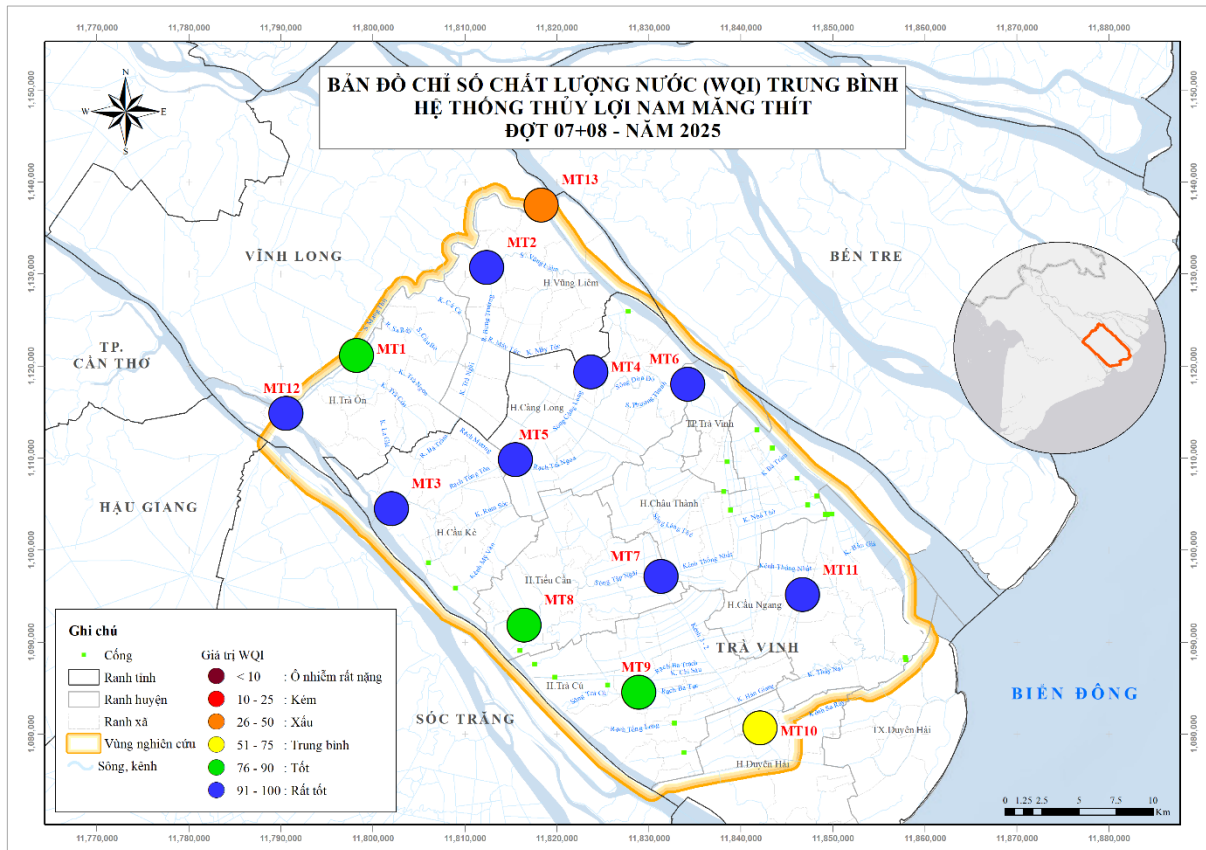
7. Kết quả tính WQI



Hình 11. Giá trị WQI chất lượng nước vùng Nam Măng Thít đợt 7 ngày 29/4/2025



Hình 12. Giá trị WQI chất lượng nước vùng Nam Măng Thít đợt 8 ngày 12/5/2025



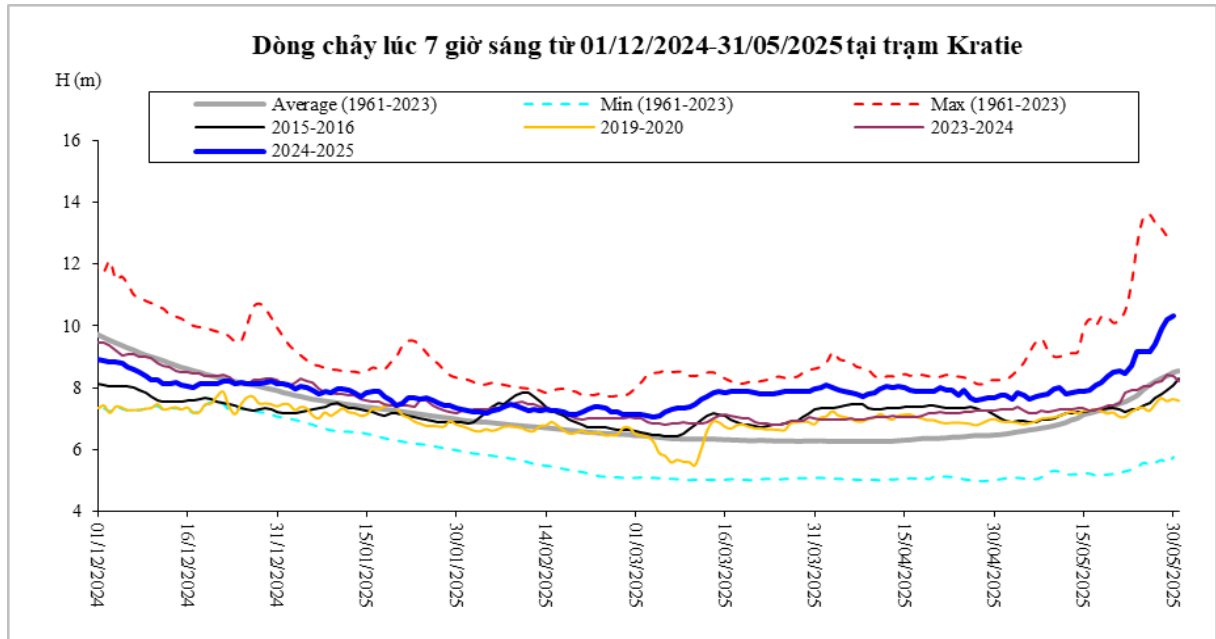
Hình 13. Giá trị WQI trung bình chất lượng nước trong HTTL Nam Măng Thít đợt 7 và đợt 8 năm 2025

Theo kết quả, giá trị WQI trung bình của hai đợt 7 và 8 tại các vị trí nguồn cấp ở mức tốt, trừ vị trí MT1 (mức trung bình) và MT13 (mức kém) do coliform cao vượt giới hạn cho phép, các vị trí nội đồng và cống ngăn mặn có WQI ở mức tốt trở lên, trừ vị trí MT9 và MT10 đạt mức trung bình do hàm lượng coliform cao hơn giới hạn cho phép, tuy nhiên nguồn nước trong hệ thống thủy lợi Nam Măng Thít vẫn đáp ứng yêu cầu sử dụng nước cho mục đích sản xuất nông nghiệp.

IV. Dự báo diễn biến chất lượng nước tháng 6/2025

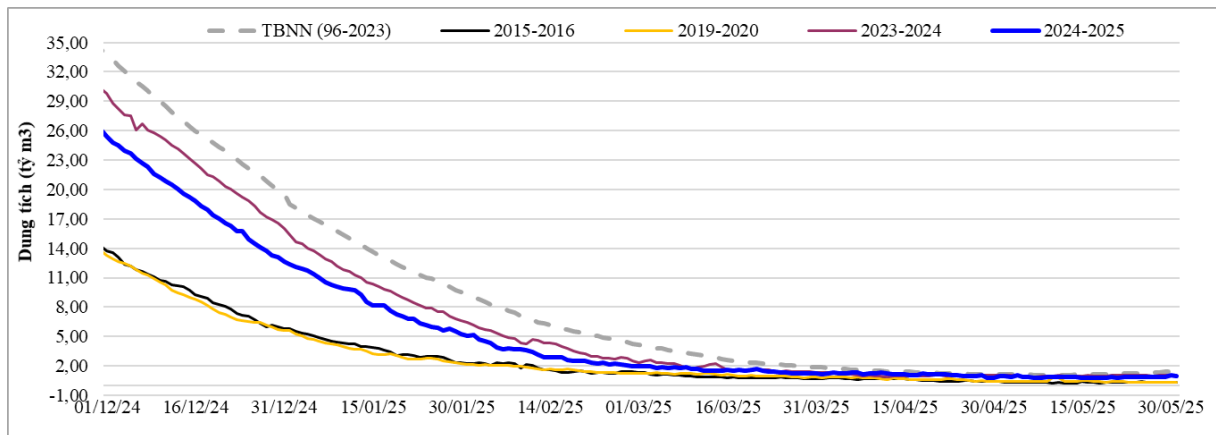
4.1. Diễn biến thủy văn và tình hình sản xuất tháng 6/2025

Mực nước trên dòng chính sông Mê Công tại trạm Kratie trong tháng 5 năm 2025 ở mức khá cao và có xu thế tăng, tăng mạnh nhất vào tuần cuối tháng. Đến ngày 31/5/2025 mực nước đạt mức 10,76 m. So sánh cùng kỳ: cao hơn TBNN (1961-2023) 1,55 m; cao hơn năm 2024 2,53 m; cao hơn năm 2020 3,19 m; cao hơn năm 2016 2,48 m. Nhận định trong tháng 6 năm 2025, mực nước có xu thế tăng và ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024, cao hơn cùng kỳ TBNN và cao hơn khá nhiều so với cùng kỳ các năm 2020 và 2016.



Hình 14. Diễn biến mực nước tại trạm Kratie đến ngày 31/5/2025

Dung tích Biển Hồ trong tháng 5 năm 2025 ở mức thấp và có xu thế giảm nhẹ. Đến ngày 31/5/2025 đạt mức 0,98 tỷ m³. So sánh cùng kỳ: thấp hơn TBNN khoảng 32% tương đương 0,46 tỷ m³; thấp hơn năm 2024 khoảng 8% tương đương 0,09 tỷ m³; nhưng cao hơn năm 2020 khoảng 172% tương đương 0,62 tỷ m³; cao hơn năm 2016 khoảng 188% tương đương 0,64 tỷ m³. Nhận định trong tháng 6 năm 2025, dung tích Biển Hồ có xu thế tăng nhẹ và ở mức thấp hơn khá nhiều TBNN, thấp hơn cùng kỳ năm 2024, nhưng cao hơn khá nhiều so với cùng kỳ các năm 2020 và 2016.



Hình 15. Diễn biến dung tích Biển Hồ đến ngày 31/5/2025

Theo kết quả dự báo triều của Viện Kỹ thuật Biển, triều ven biển Đông có xu thế tăng dần từ Vũng Tàu đến Gành Hào; triều ven biển Tây có xu thế giảm dần từ Sông Đốc đến Rạch Giá. Đỉnh triều dự báo trong tháng 6 năm 2025 ở mức thấp hơn đỉnh triều cùng kỳ năm 2024 và phổ biến thấp hơn đỉnh triều dự báo trong tháng 5 năm 2025, nhưng cao hơn khá nhiều so với đỉnh triều cùng kỳ TBNN (1996-2023) và cao hơn cùng kỳ các năm 2020 và 2016. Chân triều dự báo trong tháng 6 năm 2025 ở mức thấp hơn chân triều cùng kỳ TBNN (1996-

2023), thấp hơn chân triều cùng kỳ các năm 2024, 2020 và 2016 và phổ biến thấp hơn chân triều dự báo trong tháng 5 năm 2025.

Bảng 3. Triều dự báo tháng 6/2025

TT	Trạm	Hmax (m)	Ngày đạt Hmax	Hmin (m)	Ngày đạt Hmin
1	Vũng Tàu	0,90	26/06	-2,90	26/06
2	Vàm Kênh	1,04	26/06	-2,38	26/06
3	Bình Đại	1,16	26/06	-2,32	26/06
4	An Thuận	1,15	26/06	-2,27	26/06
5	Bến Trại	1,30	25/06	-2,08	26/06
6	Trần Đề	1,69	25/06	-2,12	26/06
7	Gành Hào	1,98	26/06	-2,09	26/06
8	Sông Đốc	0,92	26/06	-0,02	25/06
9	Xẻo Rô	0,86	26/06	-0,48	12/06
10	Rạch Giá	0,38	27/06	-0,14	12/06

Nguồn: Viện Kỹ thuật Biển

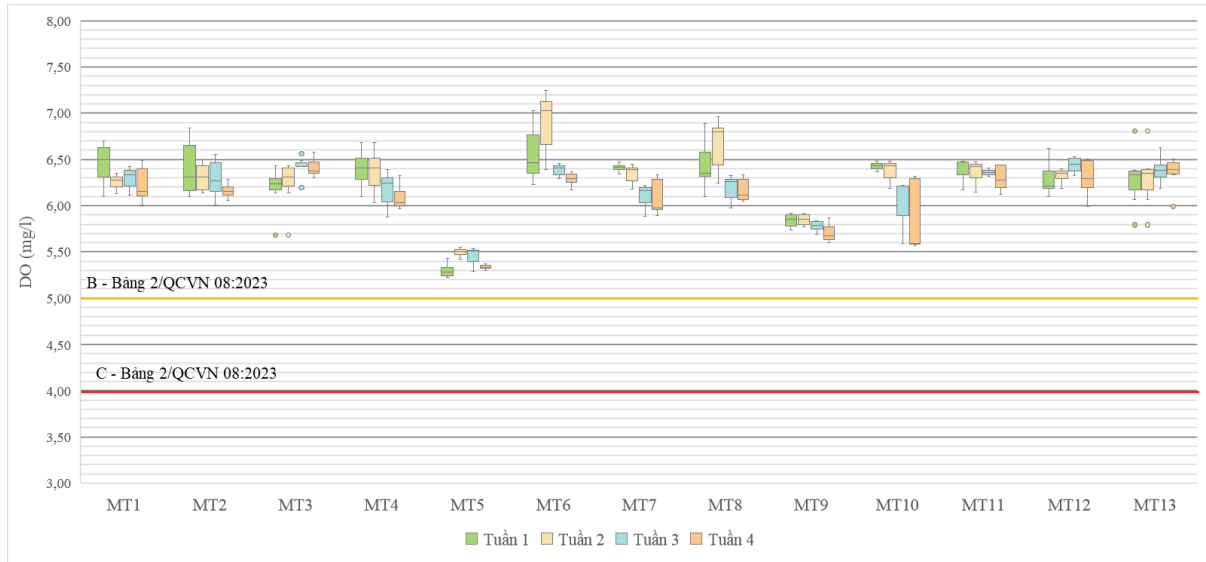
Diễn biến mực nước dự báo trong tháng 6 năm 2025 trên vùng Nam Măng Thít như sau: Mực nước lớn nhất biến đổi từ 0,45 m đến 1,95 m; mực nước trung bình biến đổi từ 0,08 đến 0,50 m; mực nước nhỏ nhất biến đổi từ -1,45 đến 0,25 m. Mực nước có xu thế giảm từ sông chính vào nội đồng.

Kế hoạch sản xuất vụ Hè Thu năm 2025 trong HTTL Nam Măng Thít khoảng 74.740 ha. Dự kiến đến cuối tháng 6 năm 2025 trên địa bàn 2 huyện Trà Ôn và Vũng Liêm của tỉnh Vĩnh Long thu hoạch được 15-20% diện tích xuống giống. Các khu vực còn lại thuộc địa bàn tỉnh Trà Vinh dự kiến đến đầu tháng 6 sẽ xuống giống dứt điểm vụ Hè Thu và đến cuối tháng 6 chưa có diện tích thu hoạch.

4.2. Kết quả dự báo diễn biến chất lượng nước trong tháng 6/2025

a. Ô nhiễm hữu cơ DO

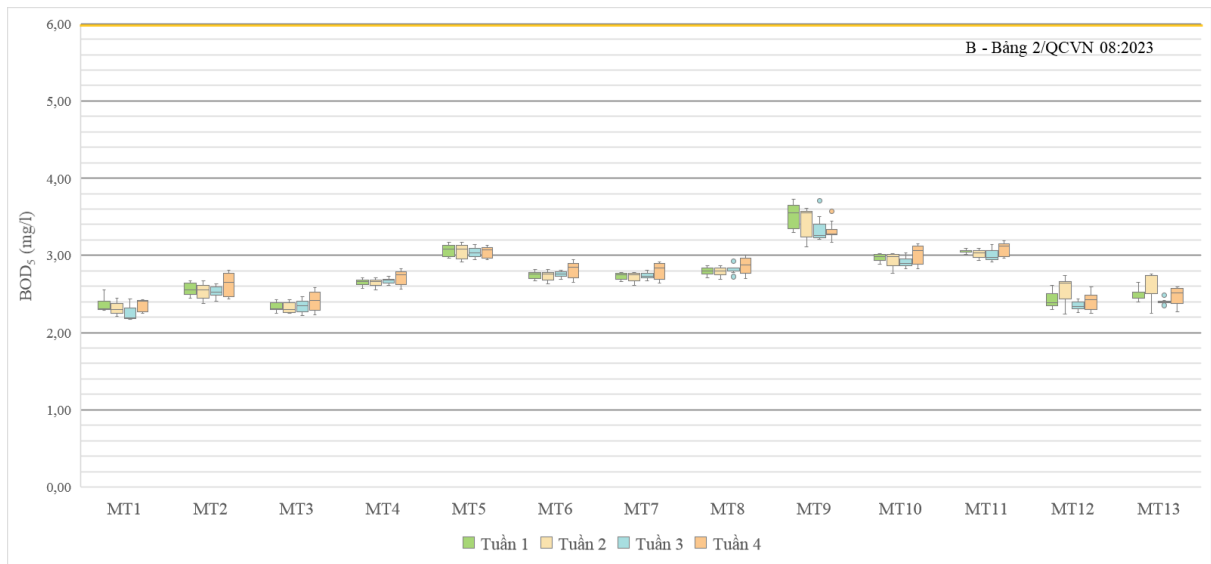
Giá trị DO dự báo tại các trạm trong tháng 6 năm 2025 ở mức khá cao, biến đổi từ 5,23 mg/l đến 7,25 mg/l. Trong đó, khu vực các trạm MT1, MT2, MT4, MT6, MT8, MT10 và MT13 có giá trị DO trong từng tuần và giữa các tuần biến động mạnh hơn so với các trạm còn lại. Giá trị DO trong tuần 1 và tuần 2 phổ biến cao hơn trong tuần 3 và tuần 4. Các trạm phía trong nội đồng và cuối nguồn như MT5, MT9 có giá trị DO thấp hơn các trạm còn lại. Giá trị DO tại tất cả các trạm đều trên mức B - Bảng 2/QCVN 08:2023/BTNMT. Kết quả dự báo cho thấy yếu tố chất lượng nước DO đảm bảo tốt để cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp trong tháng tới.



Hình 16. Kết quả dự báo diễn biến DO trong các tuần tháng 6/2025

b. Ô nhiễm hữu cơ BOD₅

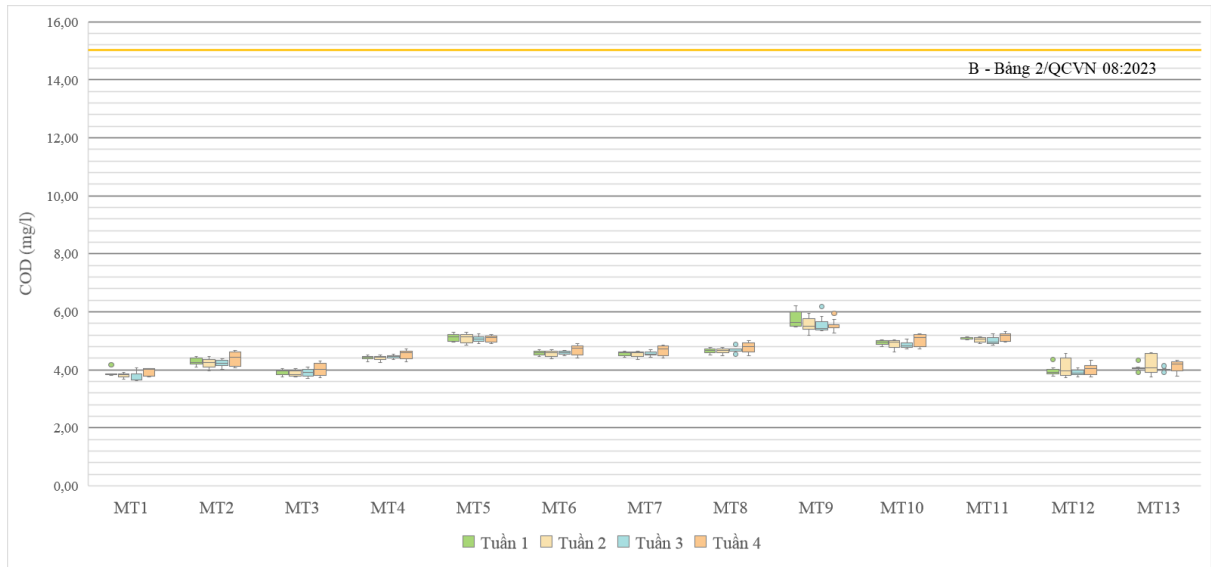
Chỉ tiêu BOD₅ tại các trạm trong tháng 6 năm 2025 dự báo ở mức thấp biến đổi từ 2,17 mg/l đến 3,72 mg/l. Trong đó, khu vực các trạm MT3, MT5, MT9, MT12 và MT13 có giá trị BOD₅ trong từng tuần và giữa các tuần biến động mạnh hơn so với các trạm còn lại. Giá trị BOD₅ trong tuần 2 và tuần 4 phổ biến cao hơn so với tuần 1 và tuần 3. Khu vực các trạm MT5 đến MT11 có giá trị BOD₅ ở mức cao hơn so với các trạm còn lại. Giá trị BOD₅ tại tất cả các trạm đều đang ở mức thấp hơn khá nhiều so với mức B – Bảng 2 QCVN08:2023/BTNMT. Kết quả dự báo cho thấy yếu tố chất lượng nước BOD₅ đảm bảo tốt để cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp trong tháng tới.



Hình 17. Kết quả dự báo diễn biến BOD₅ trong các tuần tháng 6/2025

c. Ô nhiễm hữu cơ COD

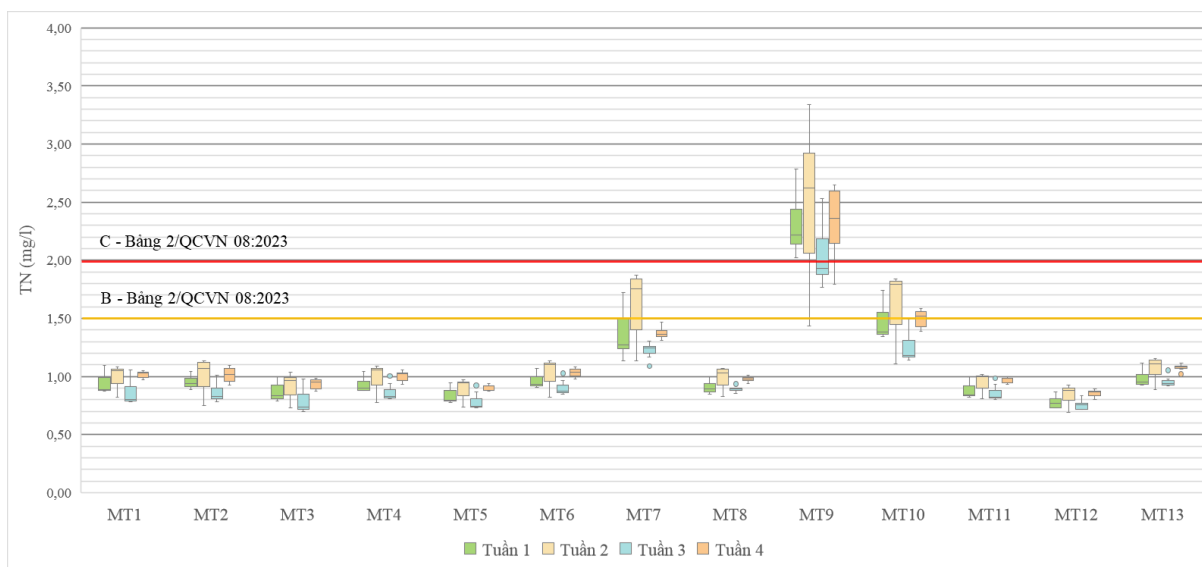
Tương đồng với xu thế của BOD₅, chỉ tiêu COD tại các trạm trong tháng 6 năm 2025 dự báo ở mức thấp biến đổi từ 3,62 mg/l đến 6,21 mg/l. Trong đó, khu vực các trạm MT3, MT5, MT9, MT12, và MT13 có giá trị COD trong từng tuần và giữa các tuần biến động mạnh hơn so với các trạm còn lại. Giá trị COD trong tuần 2 và tuần 4 phổ biến cao hơn so với tuần 1 và tuần 3. Khu vực các trạm MT5 đến MT11 có giá trị COD ở mức cao hơn so với các trạm còn lại. Giá trị COD tại tất cả các trạm đều đang ở mức thấp hơn khá nhiều so với mức B – Bảng 2 QCVN08:2023/BTNMT. Kết quả dự báo cho thấy yếu tố chất lượng nước COD đảm bảo tốt để cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp trong tháng tới.



Hình 17. Kết quả dự báo diễn biến COD trong các tuần tháng 6/2025

d. Ô nhiễm dinh dưỡng TN

Chỉ tiêu TN tại các trạm trong tháng 6 năm 2025 dự báo ở mức tương đối thấp biến đổi từ 0,69 mg/l đến 3,34 mg/l. Trong đó, khu vực các trạm MT7, MT9 và MT10 có giá trị TN trong từng tuần và giữa các tuần biến động mạnh hơn so với các trạm còn lại. Giá trị TN trong tuần 2 và tuần 4 phổ biến cao hơn so với tuần 1 và tuần 3. Khu vực các trạm MT7, MT9, MT10 có giá trị TN ở mức cao hơn so với các trạm còn lại. Giá trị TN tại hầu hết các trạm đều ở mức thấp hơn so với mức B – Bảng 2, QCVN08:2023/BTNMT. Ngoại trừ trạm MT9 hàm lượng TN nhiều ngày trong tháng 6 dự báo vượt mức C – Bảng 2 QCVN 08:2023/BTNMT (chất lượng nước xấu, chỉ có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi có biện pháp xử lý phù hợp), trạm MT7 và MT10 hàm lượng TN nhiều ngày trong tháng 6 dự báo vượt mức B – Bảng 2 QCVN 08:2023/BTNMT. Kết quả dự báo cho thấy yếu tố chất lượng nước TN đảm bảo tốt để cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp trong tháng tới. Chỉ riêng khu vực các trạm MT7, MT9 và MT10 cần lưu ý khi lấy nước phục vụ tưới cho cây trồng vì hàm lượng TN dự báo ở mức cao.



Hình 18. Kết quả dự báo diễn biến TN trong các tuần tháng 6/2025

4.3. Kết luận, kiến nghị

Giám sát chất lượng nước tại các trạm quan trắc định kỳ:

- Đối với vùng Nam Măng Thít trong tháng 5, có dấu hiệu gia tăng chất dinh dưỡng tại các cống ngăn mặn (MT9 và MT10) và hàm lượng coliform cao hơn giới hạn cho phép tại các vị trí nguồn cấp (MT1, MT13) và cống ngăn mặn (MT8, MT9, MT10).

- Khuyến cáo, đối với coliform cao, nguồn nước cần phải xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi sử dụng. Với khu vực có chất dinh dưỡng cao không sử dụng nước cho mục đích ăn uống, ngoài ra cần sử dụng phân bón theo khuyến cáo và hướng dẫn từ các cơ quan quản lý nông nghiệp địa phương tránh sử dụng phân bón quá mức làm tích tụ chất dinh dưỡng gây ảnh hưởng đến nguồn nước.

Dự báo chất lượng nước trong tháng tiếp theo:

- Theo kết quả dự báo các chỉ số chất lượng nước DO, BOD₅, COD, TN tại 13 vị trí trong hệ thống thủy lợi Nam Măng Thít trong tháng 6 năm 2025 so sánh với mức B – Bảng 2, QCVN08:2023/BTNMT, chất lượng nguồn nước cơ bản đảm bảo để cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp trong tháng tới. Chỉ riêng các khu vực trạm MT7, MT9 và MT10 trong đó đặc biệt là khu vực trạm MT9 cần lưu ý khi lấy nước phục vụ tưới cho cây trồng vì hàm lượng TN dự báo trong tháng 6 năm 2025 ở mức cao.

- Khuyến cáo địa phương thực hiện thu gom rác thải, lục bình trên các sông kênh theo định kỳ, nhất là các khu vực bên trong nội đồng, sau các cống và khu vực đông dân cư để làm sạch thoáng mặt nước, giảm nguy cơ tồn đọng các chất ô nhiễm cũng như làm tăng nồng độ oxy hòa tan tự nhiên.

- Hiện nay đã bước sang thời kỳ đầu mùa mưa, đã xuất hiện một số trận mưa có cường độ khá lớn trên vùng ĐBSCL làm nền nước nội vùng được cải thiện. Mực nước đầu nguồn trong tháng tới dự báo có xu thế tăng trở lại, chiều

dài xâm nhập mặn trên các nhánh sông Cửu Long trong tháng tới nhận định giảm mạnh so với các tháng trước, ranh mặn 4g/l sẽ lùi xa ra về phía biển, thuận lợi cho việc lấy nước ngọt phục vụ sản xuất trong hệ thống thủy lợi Nam Măng Thít. Trong tháng 6, nhu cầu lấy nước ngọt trên sông chính khu vực đầu nguồn vào nội đồng vùng Nam Măng Thít là không lớn do giai đoạn này đã xuống giống xong vụ Hè Thu, mặt khác hiện tại đang trong mùa mưa nên nguồn nước từ mưa cũng khá dồi dào. Khi có mưa lớn cục bộ hoặc dự báo có mưa lớn, địa phương cần có kế hoạch chủ động vận hành tiêu thoát nước để chống ngập úng, đặc biệt các khu vực mới xuống giống vụ Hè Thu cũng như các khu vực thấp trũng sâu bên trong nội đồng. Kiến nghị các địa phương thường xuyên theo dõi các thông tin dự báo về nguồn nước, xâm nhập mặn, chất lượng nước liên quan đến HTTL Nam Măng Thít để có các biện pháp ứng phó kịp thời.

Nơi nhận:

- Bộ NN&MT (để b/c);
- Cục QL&XDCTTL (để b/c);
- Sở NN&MT các tỉnh Trà Vinh, Vĩnh Long;
- Chi cục TL&BĐKH Trà Vinh, Chi cục TL&TNKS Vĩnh Long;
- Phòng Nông nghiệp/Kinh tế các huyện/TP thuộc tỉnh Trà Vinh, Vĩnh Long;
- Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi Trà Vinh; Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Miền Nam;
- Lưu: P.KHCN&HTQT.

KT. VIỆN TRƯỞNG 
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Phạm Văn Mạnh